

TRÍ THỨC XƯA VỚI MÙA XUÂN - MÙA XUÂN VỚI TRÍ THỨC XƯA

(Lan man qua thi thoại và giai thoại)

GS. TS. KIỀU THU HOẠCH*

Trước hết, nói đến tầng lớp trí thức người Việt xưa đương nhiên là nói đến tầng lớp Nho sĩ - những con người được trao dồi học vấn và tư tưởng dưới mái trường Nho học, hay nói theo một biểu tượng có phần mòn sáo là trong "cửa Khổng sân Trình". Tuy nhiên, qua thực tiễn lịch sử cho thấy, họ không chỉ đơn thuần là nhà Nho với những tín điều của Nho giáo, mà trong đầu óc họ còn là sự dung hợp của cả Nho, Phật, Đạo... dù đó là nhà Nho hiển đạt hay nhà Nho ẩn dật, nhà Nho chính thống/quan phương hay nhà Nho tài tử.

Thứ hai, khi nói đến tầng lớp trí thức - Nho sĩ xuất hiện sớm nhất trong lịch sử thì lại không phải là các Nho sĩ - quan chức trong bộ máy của Nhà nước phong kiến, mà chủ yếu lại là các Nho sĩ - tăng lữ trong nhà chùa. Đây quả là một điều hết sức thú vị trong lịch sử trí thức Việt Nam.

Như nhiều sử sách còn ghi chép, ngay từ thế kỷ II, III đã có các sư người Thiên Trúc (Ấn Độ) trực tiếp sang truyền bá Phật giáo ở Giao Châu. Nhưng giáo lý nhà Phật - chủ yếu là dòng Thiên tông - du nhập vào nước ta một cách sâu rộng và có hệ thống thì lại do con

đường gián tiếp: Các nhà sư và kinh điển Phật giáo Trung Quốc. Bởi vậy, các nhà sư người Việt đều phải học chữ Hán rồi mới có thể học kinh Phật. Điều này đã khiến cho nhiều cao tăng của ta cũng đồng thời là những nhà Hán học uyên thâm. Ngay từ thời thuộc Tấn (265 - 419), thuộc Đường (618 - 906) và thời kỳ Đinh, Lê đã thấy xuất hiện một số cao tăng có tên tuổi về văn học (Xem Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục*, và xem *Thiên uyển tập anh*). Có thể nói, vào thời Lý, các thiền sư cũng chính là lực lượng trí thức đông đảo nhất nếu không phải là duy nhất của xã hội đương thời. Do vậy, việc trước tác hầu hết đều nằm trong tay họ; một phân số nhỏ Nho sĩ bấy giờ có sáng tác chút ít thì cũng lại chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo khá đậm. Ta còn được biết hai tác gia văn học thời Lý là Đoàn Văn Khâm, Thượng thư bộ Công, và Mai Công Bật, Viên ngoại lang bộ Binh, thì thơ văn của hai người này cũng đều chan chứa mùi Thiền. Trong khi đó, theo *Thiên uyển tập anh*, thời Lý có chừng 46 nhà sư tham gia trước tác kinh kệ và làm thơ. Và theo thống kê của Trần Văn Giáp trong *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, thì trong số 27 tác gia thời Lý mà ta còn rõ tên tuổi, có tới 20 tác gia là nhà sư. Điều lý thú là ở thời kỳ này,

* VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

hầu như tất cả các thiền sư đều hay thơ, và cũng có những thiền sư từng nổi tiếng thơ hay.

Trong các tác phẩm Phật giáo Lý - Trần như *Thiền uyển tập anh*, *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục*, *Khóa hư lục*... còn ghi lại một số bài kệ khá hay. Thậm chí có đôi bài nếu chúng ta thêm vào một đầu đề thì nó chính là thơ chứ không phải là kệ. Chẳng hạn như bài kệ của sư Mãn Giác (1052 - 1096) làm trong lúc lâm bệnh:

*Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai
Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai*

Lời dịch thơ:

*Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân tới trăm hoa cười
Trước mắt việc đời rổi
Trên đầu già tới nơi
Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.
(Sửa theo bản dịch của Ngô Tất Tố).*

Mặc dầu tác giả làm bài kệ trong lúc đau ốm, song rõ ràng đây là một bài thơ tràn trề ý Xuân. Nội dung nói về lẽ tuần hoàn sinh hóa của muôn vật theo triết lý Thiền: Trong cái suy tàn có cái đang nảy sinh. Và xét ở khía cạnh văn học, thì đây chính là một bài thơ chan chứa tinh thần lạc quan, yêu đời. Cũng có thể nói, đây hoàn toàn là một bài thơ Xuân tuyệt hay trong những bài thơ Xuân. Tuy nhiên, nhân nói về bài thơ - kệ này, có một "sự cố văn chương" có lẽ cũng cần phải được làm sáng tỏ. Số là lâu nay vẫn có một luồng dư luận cho rằng, bài thơ - kệ của đại sư Mãn Giác vốn là thoát thai từ bài "Tảo mai" của Tế Kỷ, một nhà thơ sư thời Văn Đường. Dư luận tuy không âm ỉ, song cũng làm không ít người băn khoăn. Vậy thực chất vấn đề là như thế nào?

Theo lời kể của Dương Dân Tô trong sách *Đường thi giai thoại*, thì có chuyện như sau: Nhà thơ sư Tế Kỷ (khoảng 860 - 937) sau khi làm xong bài thơ "Tảo mai" (Hoa mai nở sớm) có đem đến khoe người bạn thơ là Trịnh Cốc về bài thơ của mình để mong được góp ý. Nội dung có bốn câu là:

*Vạn hủy đồng dục chiết
Cô căn noãn độc hồi*

Kiểu Thu Hoạch: *Trí thức xưa với mùa Xuân - Mùa Xuân với...*

*Tiền thôn thâm tuyết lý
Tạc dạ sổ chi khai.*

Lời dịch thơ:

*Muôn cây lạnh chết công
Riêng mai gốc ấm hơi
Làng bên trong tuyết thắm
Đêm qua mấy cành tươi.
(KTH dịch).*

Trịnh Cốc đọc xong bài thơ, tỏ ra rất thích thú và khen ngợi. Nhưng sau khi ngâm đi ngâm lại vài lần, bỗng nói: "Sổ chi khai" (Mấy cành nở hoa) thì chưa thể coi là sớm. Chi bằng sửa lại là "Nhất chi khai" (một cành nở hoa) thì mới rõ cái ý nở sớm, vừa ứng chiếu chặt chẽ với câu trên "Cô căn noãn độc hồi" (Riêng gốc rễ mai hơi ấm vẫn hồi sinh), vừa nói được cái khí cốt kiên cường của cây mai là "ngạo nghễ với sương tuyết". Từ đó, Trịnh Cốc được coi là "Nhất tự sư" (Ông thầy một chữ); và chẳng mấy chốc câu chuyện được lưu truyền trong dân gian như một giai thoại.

Chuyện là thế. Và thực chất đó cũng chỉ là một giai thoại. Trở lại bài kệ - thơ của Mãn Giác, chúng ta thấy chủ đề là nói về mùa Xuân, và chỉ ở câu kết mới nói về hoa mai; trong khi đó, bài "Tảo mai" của Tế Kỷ lại là bài chuyên tả hoa mai. Còn xét về tứ thơ thì bài Kệ của Mãn Giác rõ ràng là đậm đà ý vị Thiền hơn, mà tinh thần lạc quan, yêu đời cũng mạnh mẽ hơn hẳn. Như vậy, cho dù Mãn Giác có được gợi ý từ thơ "Tảo mai" của Tế Kỷ như một thi liệu thì cũng không vì thế mà làm giảm đi giá trị sáng tạo của một bài thơ Xuân của nhà sư Đại Việt.

Về thơ Xuân đượm mùi Thiền có thể kể thêm trường hợp bài kệ của Thiền sư Giác Hải thời Lý Nhân Tông. Điều trùng hợp thú vị ở đây cũng lại là bài kệ - thơ được sáng tác vào lúc nhà sư lâm bệnh:

*Xuân lai hoa điệp thiện tri thi
Hoa điệp ung tu cộng ứng kỳ
Hoa điệp bản lai giai thị huyễn
Mạc tu hoa điệp hưởng tâm tri.*

Lời dịch thơ:

*Xuân sang hoa bướm khéo quen thì
Bướm lượn hoa cười vẫn đúng kỳ
Hoa bướm thực ra đều huyễn ảo
Chớ đem hoa bướm để lòng chi
(Sửa theo bản dịch của Ngô Tất Tố).*

Bướm và hoa là hình ảnh của mùa Xuân.

Nhưng với triết lý Thiên tông thì cả bướm cả hoa đều chỉ là huyền ảo theo quan niệm "Nhất thiết giai không" (Hết thảy đều không). Do vậy, chớ nên níu giữ trong tâm mình hình ảnh của hoa và bướm. Đó chính là quan niệm "Phật tức tâm, tâm tức Phật" của đạo Thiên. Giới Phật học Trung Hoa khi nói về đạo lý này thường hay dẫn câu chuyện về người đặt nền tảng cho Thiên tông Trung Quốc là Lục Tổ Huệ Năng như một minh chứng về cái tâm bản thể. Chuyện kể như sau: Một hôm, Hoà thượng Ấn Tông hỏi các sư rằng, gió thổi cờ phướn lay động, rốt cuộc là gió động hay cờ phướn động? Các nhà sư đều nhao nhao bàn luận, người thì bảo là gió động, người thì nói là phướn động... Bồnh Huệ Năng từ trong đám các sư vụt đứng bật dậy nói rằng, gió cũng chẳng động, mà phướn cũng chẳng động, đó chính là cái tâm của ta động vậy. Câu trả lời của Huệ Năng khiến Hoà thượng Ấn Tông giật mình kinh hãi, bội phục sát đất...

Đó là nói về lẽ đạo; còn lẽ đời, còn ở góc nhìn một tác phẩm văn học, thì bài kệ của Thiền sư Giác Hải với hờa với bướm lại hoàn toàn là hình ảnh/là biểu tượng của trai gái giao duyên đầy năng lượng phồn thực, đầy sức Xuân:

Thiếp như hoa nở trên cành

Chàng như con bướm lượn vành mà chơi
(*Dân ca Quan họ*);

Thiếp như hoa đã lià cành

Chàng như con bướm liệng vành mà chơi
(*Truyện Kiều*).

Chỉ qua một đôi bài kệ - thơ, thơ - kệ như thế ở thời Lý, cũng đủ cho thấy sức sống của mùa Xuân hàm chứa trong đó quả là mãnh liệt. Cho dù chủ thể sáng tạo là một thiền sư trong tấm áo cà sa với những giới luật nghiêm ngặt của nhà Phật, thì cũng vẫn không kìm nén được những Xuân tình/Xuân ý trong câu chữ của tác phẩm - mà nói cho đúng, đó là tác phẩm Phật học.

Nếu ta coi những bài "kệ tụng" như thế cũng là thơ, tuy chưa phải là thơ đích thực - theo quan niệm của giới nghiên cứu văn hóa Phật giáo Trung Quốc, thì dòng thơ Thiên đời Lý lại hiện hữu ở đời Trần như một nguồn mạch miên tục. Lại một điều như vị vua văn võ song toàn Trần Nhân Tông (1258 - 1308), vị vua anh hùng từng lãnh đạo quân dân nhà

Trần hai lần đánh thắng giặc Nguyên (1285 và 1288), là người sáng lập Thiên phái Trúc Lâm, từng viết nhiều tác phẩm Thiên học, trong đó có thơ Thiên, lại cũng là tác giả của hàng loạt bài thơ Xuân như:

- *Xuân nhật yết Chiêu Lăng* (Ngày Xuân thăm Chiêu Lăng/tức lăng vua Trần Thái Tông). Trong bài có hai câu cuối thật giản dị mà đầy hào khí:

Bạch đầu quân sĩ tại

Vãng vãng thuyết Nguyên Phong

(*Lính già đầu bạc bao người*

Vẫn còn kể mãi chuyện thời Nguyên Phong). Thời Nguyên Phong là chỉ năm Nguyên Phong thứ 7 (1258) đời vua Trần Thái Tông, đánh thắng giặc Nguyên lần thứ nhất.

- *Xuân hiếu* (Sớm mùa Xuân):

Thụy khởi khái song phi

Bất tri Xuân dĩ quy

Nhất song bạch hồ điệp

Phách phách sấn hoa phi.

Bài thơ đã được nhà thơ Trần Lê Văn dịch như sau, theo đúng nguyên thể:

Ngủ dậy mở cửa sổ

A, Xuân về rồi đây

Kia một đôi bướm trắng

Nhằm hoa phơ phơ bay.

Chúng ta lại bắt gặp hình tượng bướm và hoa - biểu tượng của mùa Xuân, nhưng đây là đôi bướm trắng, phản ánh vẻ tinh khôi của buổi sớm mai mùa Xuân.

- *Đăng Bảo Đài sơn* (Lên núi Bảo Đài): Nội dung ghi cảm hứng khi lên núi Bảo Đài vào dịp đầu Xuân.

- *Quý Trương Hiến Khanh Xuân bính* (Tặng bánh Xuân cho Trương Hiến Khanh). Nội dung ghi lại tục trao tặng bánh vào mùa Xuân của người Việt.

- *Xuân cảnh* (Cảnh Xuân). Bài thơ có câu mở đầu phảng phất ý vị Thiên:

Dương liễu hoa thâm diệu ngữ trì...

(*Chim kêu thủ thỉ chòm hoa liễu*).

- *Nhị nguyệt thập nhất dạ* (Đêm 11 tháng Hai). Bài thơ có câu cuối tràn ngập tình Xuân:

Hoa ảnh mẫn song Xuân mộng trường...

(*Hoa đầy cửa sổ mộng Xuân dài*).

- *Khuê oán* (Nỗi oán hận của khuê phụ). Bài thơ diễn tả nỗi oán trách của người thiếu phụ trong khuê phòng khi mùa Xuân sắp qua, chim hoàng oanh đã ngừng hót:

Hoàng ly bất ngữ oán đông phong...
(Oanh vàng ngừng hát oán hờn gió Xuân).

- Xuân vãn (Cuối Xuân). Bài thơ vịnh cảnh Xuân qua con mắt của một Thiền sư:

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không
Nhất Xuân tâm tại bách hoa trung
Như kim khám phá đông hoàng diện
Thiền bản bồ đoàn khản trụ hồng

Bản dịch thơ của Ngô Tất Tố:

Tuổi trẻ chưa tường lẽ sắc không
Xuân sang hoa nở rộn tơ lòng
Chúa Xuân nay đã tường chân tướng
..Nệm cỏ ngồi Thiền ngắm rụng hồng.

(KTH sửa hai câu cuối).

- Tảo mai (Hoa mai sớm). Bài thơ làm theo lối một đề hai bài; nội dung ca ngợi vẻ đẹp thanh nhã của hoa mai, tứ thơ ngôn ngữ súc sống rạo rực của mùa Xuân với những câu chữ như: Bướm si tình bưng tỉnh vì sương móc ngọt trong nhụy hoa mai thơm - Hằng Nga ví biết vẻ đẹp thanh nhã của hoa mai, thì nàng còn thiết gì nơi cung Thiềm gốc quế lạnh lẽo...

Rõ ràng là qua cả một loạt thơ Xuân của vị Đề Nhất tổ Trúc Lâm mà thi vị vẫn rất trần tục, vẫn gần gũi với cuộc sống đời thường, có yêu,

Kiểu Thu Hoạch: *Trí thức xưa với mùa Xuân - Mùa Xuân với...*

có hận, và có cả những khát vọng hoài Xuân của khuê phụ; thậm chí có bài còn mang đậm âm hưởng của một thời chinh chiến hào hùng...

Đó là đôi nét sơ lược về dòng thơ Thiền Lý - Trần với mùa Xuân, đồng thời đó cũng là sự thể hiện thể ứng xử của giới Nho sĩ trong thời kỳ này với mùa Xuân - thời kỳ mà đạo Phật còn có ảnh hưởng khá sâu đậm vào lực lượng trí thức Nho sĩ./

(còn nữa)
K.T.H

Tài liệu tham khảo:

- Kiểu Thu Hoạch: "Tìm hiểu thơ văn các thiền sư Lý - Trần", *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 6 - 1965.
- Kiểu Thu Hoạch: *Tổng tập văn học dân gian người Việt - Giai thoại văn học*, Nxb. KHXH, H. 2004.
- Vũ Khiêu: *Người trí thức Việt Nam qua các chặng đường lịch sử*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1987.
- *Thiền tông dữ Trung Quốc văn hóa*, Thượng Hải nhân dân xuất bản xã, 1996.
- Dương Dân Tô: *Đường thi giai thoại*, Văn Nam giáo dục xuất bản xã, 2000.



Một thoáng lịch sử - Ảnh: Phạm Lự